TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 616/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 26 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" thụ lý số 353/2022/HNST ngày 17 tháng 6 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn A, sinh năm 1997

- Ông Phạm T, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: K4 HTP, Khu phố 1, Phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn A và Ông Phạm T qua một thời gian tìm hiểu, cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 11, do Ủy ban nhân dân phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2018).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả hai

đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Hiện nay, bà Nguyễn A và ông Phạm T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nguyễn A và Ông Phạm T yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn A và Ông Phạm T có 01 người con chung họ tên là Phạm K (nữ), sinh ngày 29/5/2018. Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Nguyễn A là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông Phạm T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn A và Ông Phạm T xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn A và Ông Phạm T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn A và Ông Phạm T phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn A và Ông Phạm T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn hôn số 11, do Ủy ban nhân dân phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2018 không còn gia trị pháp lý).

[1.2]. Về con chung: Bà Nguyễn A và Ông Phạm T có 01 người con chung họ tên là Phạm K (nữ), sinh ngày 29/5/2018.

Bà Nguyễn A và Ông Phạm T thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn: Bà Nguyễn A là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông Phạm T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[1.3]. Về tài sản chung: Không có.

[1.4]. Về nợ chung: Không có.

[2]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn A và Ông Phạm T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0014482 ngày 17/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Phạm T và bà Nguyễn A đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu h/s (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy